TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chính
Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kiều D, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trình bày của bà Nguyễn Kiều D:*

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kiều D và ông Phạm Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB, tỉnh Quảng Nam vào ngày 15/11/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà D xác định mâu thuẫn đã đến mức nghiêm trọng, bà và ông H không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không thể kéo dài nên bà D yêu cầu ly hôn với chồng là ông Phạm Ngọc H.

Về con chung: Bà Nguyễn Kiều D và ông Phạm Ngọc H có 02 con chung tên Phạm Nguyễn DN, sinh ngày 13/12/2008 (giới tính nữ) và Phạm Nguyễn HN, sinh ngày 10/6/2015 (giới tính nam), hiện đang sống chung với ông bà. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy các con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Kiều D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Phạm Ngọc H. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; ông Phạm Ngọc H có nơi cư trú tại Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Phạm Ngọc H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do, bà Nguyễn Kiều D xin vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt bà D, ông H theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Hôn nhân: Bà Nguyễn Kiều D và ông Phạm Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Tú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quản Nam vào ngày 15/11/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông H. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà D xác định bà và ông H không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, bà D cương quyết ly hôn, ông H vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, bà D và ông H không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Nguyễn Kiều D và ông Phạm Ngọc H được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Kiều D và ông Phạm Ngọc H có 02 con chung tên Phạm Nguyễn DN, sinh ngày 13/12/2008 (giới tính nữ) và Phạm Nguyễn HN, sinh ngày 10/6/2015 (giới tính nam), hiện đang sống chung với ông bà. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy các con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các con chung đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Nguyễn Kiều D, từ trước cho đến nay các cháu sống ổn định với nhau, để không làm xáo trộn đời sống tâm lý của con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của bà D về việc tiếp tục nuôi dạy con chung là phù hợp, bà D không đặt ra yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Kiều D xác định không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không có ý kiến phản hồi về vấn đề tài sản chung. Do đó không xét là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của vợ chồng, ông H không có ý kiến gì về phần nợ chung nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kiều D về việc ly hôn đối với ông Phạm Ngọc H.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kiều D và ông Phạm Ngọc H được ly hôn.

Về con chung: Giao các cháu Phạm Nguyễn DN, sinh ngày 13/12/2008 (giới tính nữ) và Phạm Nguyễn HN, sinh ngày 10/6/2015 (giới tính nam) cho bà D tiếp tục nuôi dạy, bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Bà D xác định không có, không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Kiều D phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng);*

Vào ngày 15 tháng 12 năm 2023, bà D có dự nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0003234 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Bình Tú;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh